



2010 **BÁO CÁO**
THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

- 2 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 4 Sơ lược về VietinBankSc

Báo cáo Hội đồng Quản trị

Báo cáo Tổng Giám đốc

- 9 Tóm tắt kết quả kinh doanh 2010
- 10 Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực
- 16 Thông tin cổ phần và cổ đông

Nhân sự

- 18 Hội đồng Quản trị
- 20 Ban Kiểm soát
- 22 Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Sơ đồ tổ chức

Báo cáo Tài chính năm 2010

- 27 Bảng Cân đối kế toán
- 31 Báo cáo Kết quả kinh doanh
- 32 Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- 34 Thuyết minh Báo cáo Tài chính



Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị



“Trong khó khăn, chúng tôi tạo ra sự khác biệt”

Thưa các Quý vị,

Năm 2010 khép lại với tốc độ tăng trưởng (GDP) đạt 6,7%, vượt so với kế hoạch Quốc hội đề ra, tuy nhiên thị trường chứng khoán lại diễn biến theo chiều hướng ngược lại, với mức suy giảm chỉ số VnIndex là 6,3%. Quan sát các chỉ số kinh tế vĩ mô, VietinBankSc nhận thấy năm 2010 có nhiều điểm tương đồng so với giai đoạn đầu của cuộc khủng hoảng năm 2008. Nhiều nguyên nhân đã được chỉ ra đó là tăng trưởng chủ yếu dựa vào tăng quy mô đầu tư xã hội, trong khi đó những yếu kém trong chất lượng tăng trưởng kinh tế tích tụ trong nhiều năm qua chưa được giải quyết đã dẫn đến những bất ổn trên phương diện vĩ mô như tỷ giá, lãi suất, lạm phát..., từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến lòng tin của giới đầu tư chứng khoán. Trước những diễn biến bất lợi, là một công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, VietinBankSc cũng bị ảnh hưởng không nhỏ.

Tuy vậy, năm 2010, VietinBankSc cũng là một trong số những công ty chứng khoán hoạt động tích cực và hiệu quả. Ngoài kết quả kinh doanh với mức lợi nhuận trên 28,4 tỷ VNĐ, thị phần môi giới được giữ vững trên 1,5%, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với mức doanh thu lọt vào Top 06 công ty hàng đầu. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty cũng ý thức được rằng những thành công này chưa thực sự bền vững và những thách thức quan trọng vẫn đang ở phía trước. Đó là một thị trường chứng khoán nghèo về dịch vụ và sản phẩm, số lượng nhà đầu tư chỉ chiếm 0,8% dân số nhưng đã có 104 công ty chứng khoán hoạt động, chưa kể năm 2012, các công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài được phép hoạt động. Trước tình hình đó, đòi hỏi VietinBankSc phải đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng hoạt động để ổn định và phát triển kinh doanh.

Vì vậy, năm 2010, VietinBankSs đã bước đầu tái cấu trúc mô hình hoạt động, cơ cấu danh mục đầu tư, tập trung phát triển sản phẩm và nguồn nhân lực, mở rộng thị trường. VietinBankSc tự tin đã chuẩn bị sẵn sàng cho một chu kỳ phát triển mới.

Bước sang năm 2011, VietinBanksc nhận định thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong ít nhất nửa đầu năm và chỉ khi các dấu hiệu lạc quan cho phép nói lỏng các nút thắt về chính sách tài khóa và tiền tệ thì dòng tiền mới quay trở lại thị trường. Trên thị trường niêm yết, các chỉ số chứng khoán đã trở về giá trị hấp dẫn. Do đó, chính thời điểm này lại là điểm khởi đầu cho một chu kỳ tăng trưởng mới với nhiều cơ hội cho những công ty biết nắm bắt thời cơ, khẳng định nội lực và hướng đi đúng đắn. Đây cũng là lý do VietinBankSc quyết tâm xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2011 cao hơn 03 lần so với 2010.

Thay lời kết, chúng tôi tin tưởng rằng với nền móng phát triển và động lực tăng trưởng đã và đang được xây dựng sẽ tạo ra một VietinBankSc vững mạnh, có đủ khả năng cạnh tranh bình đẳng với bất kỳ tổ chức chuyên nghiệp nào trên thị trường tài chính Việt Nam.

Nhân dịp này, chúng tôi muốn bày tỏ lòng trân trọng trước sự tin tưởng và hỗ trợ vững vàng mà tất cả các cổ đông, khách hàng, đối tác, và các đồng nghiệp đã dành cho chúng tôi. Một lần nữa chúng tôi xin thể hiện sự quyết tâm và cam kết rằng chúng tôi sẽ làm việc không mệt mỏi vì một VietinBankSc với đẳng cấp khác biệt.



Đỗ Thị Thủy

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sơ lược về VietinBankSc

Giới thiệu Công ty

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (**VietinBankSc**) được thành lập năm 2000, là một trong bảy công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường, kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính.

Sau hơn 10 năm hoạt động, VietinBankSc đã vươn lên trở thành một địa chỉ uy tín và chất lượng, cung cấp các dịch vụ chứng khoán kết nối vốn và cơ hội đầu tư.

Ngày 31/7/2009 đã đánh dấu một cột mốc lớn trong chặng đường phát triển của VietinBankSc, là ngày giao dịch phiên đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán **CTS**. Đây là bước tiến lớn nhằm quảng bá rộng rãi hình ảnh của VietinBankSc đến với nhà đầu tư và khẳng định quyết tâm nâng cao hiệu quả hoạt động, minh bạch thông tin.

CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Với bề dày kinh nghiệm của một trong 07 công ty hoạt động đầu tiên trên thị trường chứng khoán, VietinBankSc đã được khách hàng tin cậy đánh giá là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán.

Dịch vụ của VietinBankSc luôn dựa trên nền tảng của tính chuyên nghiệp, trung thực và bảo mật, bao gồm các dịch vụ:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Giá trị cốt lõi

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

VietinBankSc cam kết mang đến những sản phẩm, dịch vụ tốt, nhanh chóng và thuận lợi nhất cho khách hàng. Chúng tôi đề cao những phát kiến, sáng tạo, chất lượng công việc, sự tâm huyết và luôn tìm tòi giải pháp tối ưu cho khách hàng. Xây dựng mối quan hệ lâu dài, bền vững với khách hàng là điều chúng tôi luôn hướng tới.

TIN CẬY

Niềm tin của khách hàng là yếu tố quan trọng hàng đầu trong thành công hôm nay của VietinBankSc. Chúng tôi luôn đề cao việc duy trì các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Trong mọi hành động, chúng tôi luôn tập trung vào quá trình thực hiện và hệ thống quản lý sao cho thương hiệu VietinBankSc sẽ luôn được khách hàng tin cậy.

CHÍNH TRỰC

VietinBankSc tin rằng chính trực là nền tảng để tạo dựng niềm tin và uy tín của VietinBankSc được biểu hiện bằng sự tin cậy của khách hàng, cổ đông cũng như các cơ quan quản lý. Các chuẩn mực đạo đức luôn luôn được đề cao và tuân thủ tại VietinBankSc, thể hiện trong từng hành động của mỗi cán bộ, nhân viên VietinBankSc.

CON NGƯỜI

Coi con người là điều kiện tiên quyết dẫn tới thành công và sự phát triển bền vững của Công ty, VietinBankSc luôn chú trọng hoạt động đào tạo con người nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và làm hài lòng mọi đối tượng khách hàng. Chúng tôi luôn tự hào về đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên nghiệp, tâm huyết và quyết tâm xây dựng VietinBankSc thành một tập thể vững mạnh.

Báo cáo Hội đồng Quản trị

Năm 2010, Hội đồng Quản trị VietinBankSc đã có những chỉ đạo linh hoạt, kịp thời đưa Công ty vượt qua khó khăn thách thức của nền kinh tế, đạt lợi nhuận trước thuế trên 28,4 tỷ đồng, thị phần môi giới duy trì ở mức 1,5%, Top 06 công ty hàng đầu về doanh thu tư vấn.

2010

Những thay đổi chủ yếu

- Tập trung nâng cấp hệ thống giao dịch tại các Điểm hỗ trợ, mở mới được 03 Điểm hỗ trợ và 02 phòng giao dịch tại TP. HCM và Hà Nội. Như vậy hệ thống mạng lưới hoạt động của Công ty ngày càng được củng cố và phát triển với **trên 92 điểm hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán và 02 phòng giao dịch chứng khoán, 02 Chi nhánh và Trụ sở chính.**
- Năm 2010 đánh dấu **bước ngoặt trong hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp.** Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp được định vị lại theo một chiến lược mới là kết hợp với Ngân hàng mẹ để cung cấp dịch vụ cho các khách hàng của Ngân hàng công thương đặc biệt là dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Nhờ đó doanh thu từ hoạt động này đã có bước nhảy vọt từ 4,3 tỷ đồng năm 2009 lên 27,1 tỷ đồng trong năm 2010 (**tăng 528,1%**).
- **Không ngừng củng cố chất lượng nhân sự.** Năm 2010 là một năm tái cơ cấu nhân sự mạnh mẽ của VietinBankSc. VietinBankSc đã lựa chọn được một số nhân sự cao cấp cho những vị trí kinh doanh chủ chốt của công ty, như Trưởng phòng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành, Tư vấn tài chính doanh nghiệp.
- Năm 2010 đánh dấu **sự thành công của hệ thống công nghệ thông tin**, đánh dấu sự đột phá về giá trị, số lượng lệnh đặt qua internet. Bên cạnh đó, hệ thống công nghệ thông tin của VietinBankSc luôn nằm trong top đầu những công ty thực hiện kết nối thông sàn với các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký và triển khai các hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định của UBCK.

▪ Đối với hoạt động môi giới

Hoạt động môi giới của VietinBankSs có lợi thế mà không phải công ty chứng khoán lớn nào cũng có, đó là:

- Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư lớn và đồng bộ đã đi vào hoạt động ổn định từ 2010; và,
- Mạng lưới giao dịch với 01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 02 Phòng Giao dịch và trên 92 Điểm hỗ trợ giao dịch ở khắp các tỉnh trên cả nước, trong đó chủ yếu tập trung tại các thành phố lớn.

Trong năm 2011, VietinBankSc sẽ đẩy mạnh dịch vụ môi giới thông qua việc tiếp tục mở rộng quy mô khách hàng bằng các chính sách khách hàng, cơ chế tiền lương động lực đối với cán bộ môi giới; cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho nhà đầu tư; củng cố mạng lưới giao dịch hiện có và mở thêm các Điểm hỗ trợ mới tại các Chi nhánh Ngân hàng Công Thương để tận dụng cơ sở vật chất và mạng lưới khách hàng của Ngân hàng mẹ.

▪ Đối với hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Định hướng chính cho hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp trong năm 2011 là xây dựng đội ngũ cán bộ tư vấn chuyên nghiệp, cao cấp; phối hợp với Ngân hàng mẹ để triển khai cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp cho các khách hàng của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam đặc biệt là hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Bên cạnh đó sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ truyền thống như tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết, phát hành cổ phiếu...

▪ Đối với hoạt động tự doanh

Do thị trường vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro nên việc phân bổ tỷ trọng lớn nguồn vốn được cấp vào đầu tư cổ phiếu nhằm tìm kiếm lợi nhuận cao là rất mạo hiểm. Do vậy, định hướng hoạt động tự doanh và kinh doanh vốn của VietinBankSc trong năm 2011 là tìm kiếm lợi nhuận an toàn, chủ yếu từ dịch vụ kinh doanh nguồn, với lợi nhuận cố định khoảng 15,0 - 19,0%/ năm cho nguồn vốn lưu động.



Ông Vũ Trung Thành
Tổng Giám đốc

“Thay đổi để phát triển”

2010 đánh dấu bước ngoặt cho một thời kỳ chông gai của các công ty chứng khoán: thị trường thu hẹp, lợi nhuận suy giảm đã bắt buộc các công ty phải nhìn nhận lại hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định cứng rắn, thậm chí khốc liệt. Cắt giảm chi phí, sa thải nhân sự, thay đổi Ban Lãnh đạo, bán cổ phần dưới mệnh giá... cùng hàng loạt động thái khác đã và đang thay đổi hoàn toàn cơ cấu và bộ mặt của ngành.

“**Thay Đổi để Phát Triển**” là khẩu hiệu mà tôi đã đưa ra từ khi được Hội đồng Quản trị tin tưởng giao cho trọng trách Tổng Giám đốc trong năm 2010. Tôi tin rằng, chỉ có thay đổi và luôn luôn thay đổi thì mới có thể chiến thắng. Trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt, chỉ có những công ty mạnh mẽ nhất, quyết liệt nhất mới có thể tồn tại và phát triển. Và những thay đổi này không chỉ là những khẩu hiệu hay chỉ nằm ở khía cạnh chiến lược hay chiến thuật, những thay đổi này phải mạnh mẽ đánh sâu vào cơ cấu, văn hóa và nhất là yếu tố con người. Điều này đòi hỏi không chỉ sự quyết liệt của Ban

Lãnh đạo, mà còn yêu cầu quyết tâm đổi mới từ mỗi cá nhân – nhân viên trong Công ty. Trong một công ty mạnh mẽ, sẽ chỉ tồn tại những cá nhân mạnh mẽ. Và đây là điều tôi mong muốn nhìn thấy ở VietinBankSc sau 3 năm nữa.

Trước mắt, sau 9 tháng triển khai, những thay đổi trên đã đem lại những thành tựu rõ nét. Với sự bứt phá ngoạn mục, hoạt động tư vấn tài chính của Công ty lần đầu lọt vào TOP 6. Doanh thu tăng trưởng 528,1%, từ 4,3 tỷ đồng lên 27,1 tỷ đồng. Hoạt động môi giới giữ vững thị phần 1,5%. Hoạt động tự doanh đã được định hướng thu hẹp đúng đắn, và thành công bảo vệ vốn của Cổ đông từ những rủi ro của thị trường. VietinBankSc là một trong số ít các công ty chứng khoán có lãi trong năm 2010.

2011 sẽ còn khó khăn hơn năm 2010. Đây là nhận định chung của thị trường và tôi cũng chia sẻ quan điểm này. Nhưng trong khó khăn luôn tiềm ẩn cơ hội, và Tôi tin rằng, chúng tôi, VietinBankSc đã sẵn sàng.

KẾT QUẢ KINH DOANH

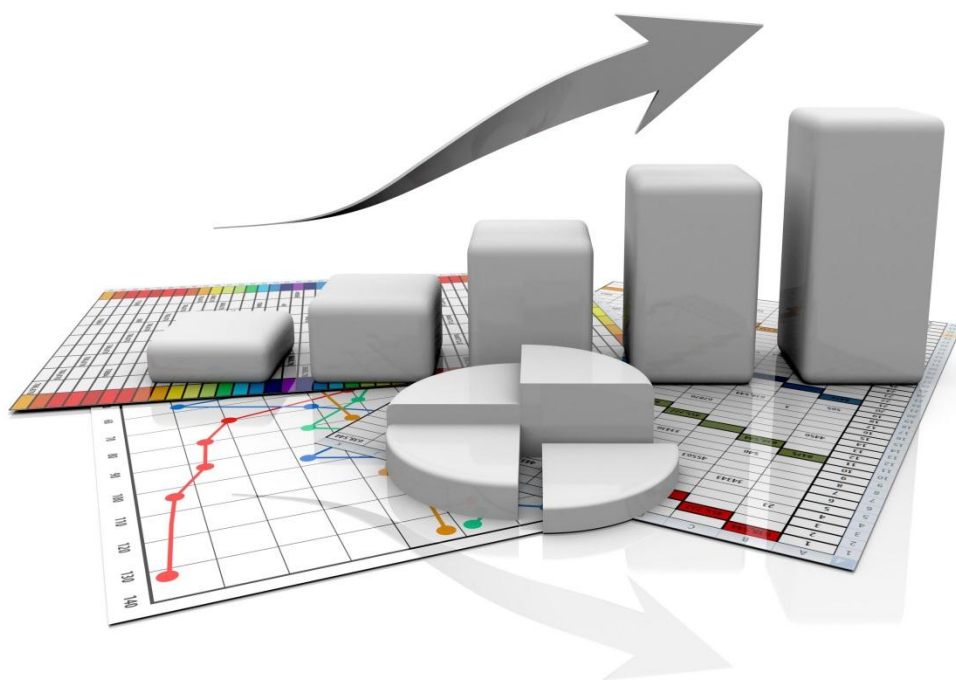
Năm 2010 là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam và chứng kiến sự không thành công của số đông các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán... Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, VietinBankSc đã có nhiều đổi mới tạo nền tảng phát triển cho các năm tới.

Doanh thu thuần năm 2010 đạt 195,6 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 21,6 tỷ đồng.

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN 2011

Trong năm 2011, VietinBankSc đặt kế hoạch doanh thu là 274,0 tỷ đồng, tăng 40,1% so với năm 2010. Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch là 90,0 tỷ đồng, tăng 315,9% so với năm 2010.

Định hướng cơ bản trong hoạt động kinh doanh của VietinBankSc là chuyển mạnh sang hoạt động cung cấp dịch vụ để thu phí và nguồn thu từ hoạt động này sẽ chiếm trên 50,0% doanh thu của VietinBankSc.



Báo cáo Tổng Giám đốc

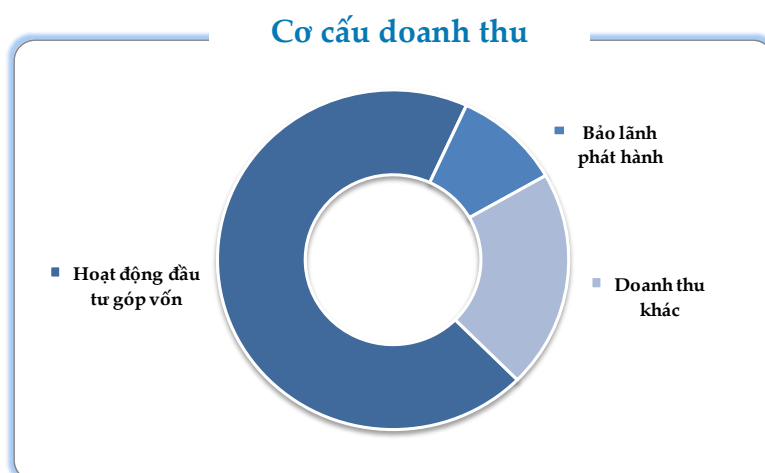
Hoạt động Đầu tư và Bảo lãnh phát hành

Tổng quan dịch vụ

Với sự năng động linh hoạt trong việc phân bổ các hoạt động đầu tư, cũng như được sự hỗ trợ từ Ngân hàng mẹ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành luôn đóng vai trò nòng cốt của VietinBankSc, với danh mục đầu tư chất lượng và đa dạng hóa, bao gồm kinh doanh cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết; bảo lãnh phát hành...

Kết quả hoạt động

Doanh thu từ hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành năm 2010 đạt 93,0 tỷ chiếm gần 47,7% doanh thu của VietinBankSc. VietinBankSc đã chủ động giảm nhanh tỷ trọng chứng khoán niêm yết xuống mức an toàn, phù hợp với bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2010. Hoạt động kinh doanh nguồn đã đem lại nguồn thu ổn định, hạn chế rủi ro góp phần quan trọng trong việc đảm bảo lợi nhuận cho VietinBankSc mặc dù năm 2010 là năm đầy khó khăn đối với nhiều công ty chứng khoán.



Thành tựu nổi bật

Việc chuyển hướng chiến lược kinh doanh trong năm 2010 là tập trung chủ đạo vào hoạt động mua bán trái phiếu và góp vốn đầu tư và giảm thiểu tối đa giá trị danh mục cổ phiếu niêm yết thông qua việc thoái vốn là một trong những hướng đi đúng đắn, linh hoạt và chủ động của VietinBankSc, giúp VietinBankSc đứng vững trong TTCK Việt Nam 2010 có rất nhiều sóng gió.

Chiến lược phát triển

Năm 2011, VietinbankSc nhận định thị trường niêm yết vẫn còn chứa đựng nhiều rủi ro, cơ hội tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường niêm yết không nhiều. Do vậy, chiến lược kinh doanh cho năm 2011 vẫn tiếp tục tập trung vào mảng hoạt động bảo lãnh phát hành cũng như tiếp tục tìm kiếm các đối tác, doanh nghiệp có tiềm năng để tham gia đầu tư góp vốn, tiếp tục duy trì, xây dựng danh mục cổ phiếu niêm yết để tận dụng cơ hội đầu tư vào thị trường. Mục tiêu chính là đảm bảo thanh khoản, đầu tư an toàn hiệu quả.



Báo cáo Tổng Giám đốc

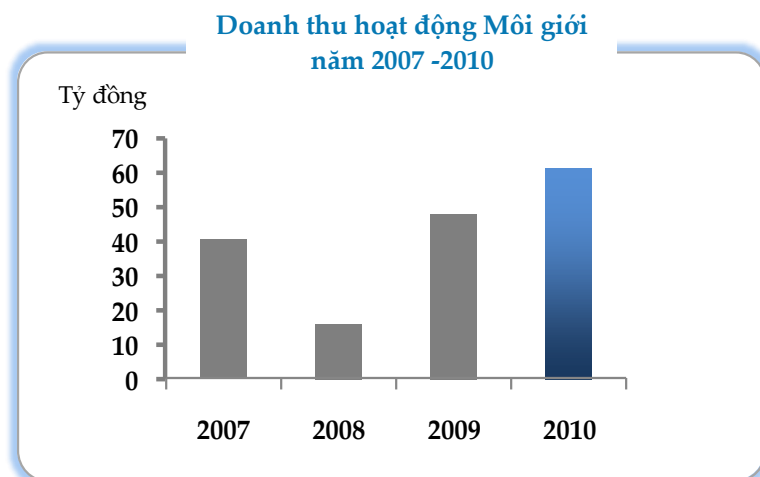
Hoạt động Môi giới

Tổng quan dịch vụ

Là một trong bảy công ty chứng khoán đầu tiên hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, VietinBankSc có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực môi giới chứng khoán với mạng lưới Điểm hỗ trợ giao dịch rộng khắp cả nước, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đội ngũ nhân viên năng động, nhiệt tình, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và thường xuyên có các chính sách khách hàng phù hợp. Tính đến nay, VietinBankSc đã thu hút trên 46.000 tài khoản của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức và cá nhân tham gia thị trường.

Kết quả hoạt động

Doanh thu từ hoạt động môi giới năm 2010 đạt 61,3 tỷ đồng, tăng 27,7% so với năm 2009. Năm 2010, VietinBankSc đã tích cực thực hiện cải tổ hoạt động môi giới theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại thông qua việc đầu tư công nghệ, gia tăng các tiện ích giao dịch và dịch vụ hỗ trợ.



Thành tựu nổi bật

Năm 2010 VietinBankSc tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng nhà đầu tư. Số tài khoản mới đã tăng lên 6.564 tài khoản trong năm 2010. Tỷ trọng doanh thu hoạt động môi giới chiếm tỷ lệ ngày càng lớn hơn trong tổng doanh thu của toàn Công ty. Trong năm, VietinBankSc tích cực thực hiện cải tổ hoạt động môi giới theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại thông qua việc đầu tư công nghệ, gia tăng các tiện ích giao dịch và dịch vụ hỗ trợ góp phần thu hút lượng khách hàng có chất lượng mở tài khoản và giao dịch tại VietinBankSc.

Chiến lược phát triển

VietinBankSc hướng tới mục tiêu chiếm lĩnh thị phần môi giới hàng đầu trên thị trường, tạo ra thương hiệu và uy tín của VietinBankSc - Nâng giá trị đầu tư cho khách hàng. Đồng thời góp phần đưa dịch vụ chứng khoán đến với tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước trên cơ sở lợi thế về mạng lưới Điểm hỗ trợ giao dịch của Ngân hàng Công thương Việt Nam.



Báo cáo Tổng Giám đốc

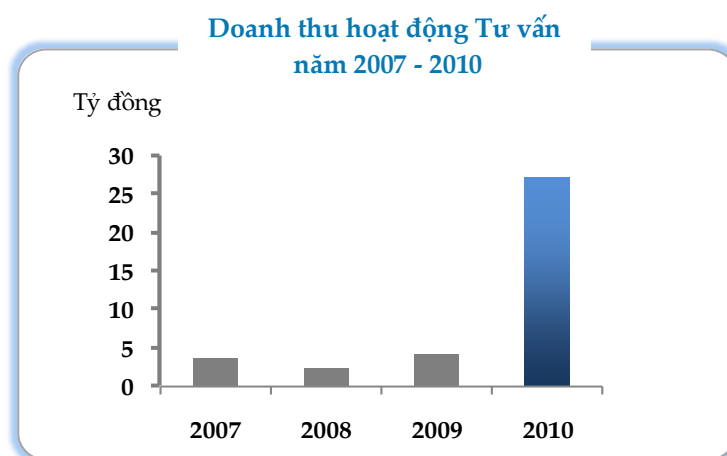
Hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Tổng quan dịch vụ

VietinBankSc cung cấp trọn gói các nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp bao gồm tư vấn cổ phần hóa, định giá, phát hành và bảo lãnh phát hành chứng khoán, niêm yết chứng khoán, M&A, tái cấu trúc doanh nghiệp... Trong 10 năm qua, VietinBankSc đã cung cấp dịch vụ tài chính cho hàng trăm doanh nghiệp như PPC, DRC, KHP, VIC, CTG, XMC...

Kết quả hoạt động

Thị trường chứng khoán năm 2010 có nhiều biến động phức tạp và không thuận lợi, tuy nhiên, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBankSc vẫn đạt được những kết quả hết sức khả quan. Doanh thu tăng 528,1% so với năm 2009, từ 4,3 tỷ đồng lên 27,1 tỷ đồng và đóng góp 13,9% vào tổng doanh thu năm 2010 của VietinBankSc.



Thành tựu nổi bật

Đổi mới nhân sự, tái cơ cấu doanh nghiệp, xác định lại chiến lược trọng tâm cùng một loạt các thay đổi mạnh mẽ đã đem lại sự bứt phá ngoạn mục trong năm 2010 của hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp. Một số hợp đồng có giá trị lớn tiêu biểu bao gồm: hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu cho Vincom, Bitexco, Sun Group, Xi măng Công Thanh, VietinBank... Với tổng giá trị phát hành lên tới 13.745 tỷ đồng, đưa VietinBankSc vinh dự nằm trong TOP 6 các công ty chứng khoán về doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp.

Chiến lược phát triển

Ngoài các sản phẩm truyền thống, VietinBankSc định hướng sẽ phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của doanh nghiệp cũng như đối tác. Một chiến lược trọng tâm khác của VietinBankSc trong những năm tới là tập trung tiếp cận và xây dựng quan hệ với các doanh nghiệp quy mô vừa và chưa niêm yết. Trong đó sẽ có một lượng lớn các doanh nghiệp đã và đang có quan hệ tín dụng với hệ thống Ngân hàng Công Thương. Hiện tại, chiến lược này đã bắt đầu phát huy tính tích cực và chúng tôi tin rằng, trong thời gian tới chiến lược này sẽ đem lại những con số kỳ vọng cho VietinBankSc.

Tuy nhiên, đối với hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, quan trọng nhất vẫn là hoạt động thu xếp vốn. Trong năm 2010, VietinBankSc đã hết sức thành công với vai trò là nhà tư vấn – nhà kết nối giữa các doanh nghiệp lớn tới các nhà đầu tư. Chúng tôi tự hào về điều này và chắc chắn những thành công trong năm 2010 sẽ được tái hiện trong năm 2011.

Báo cáo Tổng Giám đốc

Thông tin cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty	:	789.934.000.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	78.993.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	:	78.993.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	:	0	cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế

TOP 10

Các Công ty chứng khoán niêm yết

“Mục tiêu trở thành định chế tài chính vững mạnh, với hoạt động chính trên thị trường chứng khoán, đồng thời đa dạng hóa hoạt động kinh doanh thông qua việc đầu tư góp vốn trong lĩnh vực quản lý quỹ, bất động sản... nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng và Cổ đông”

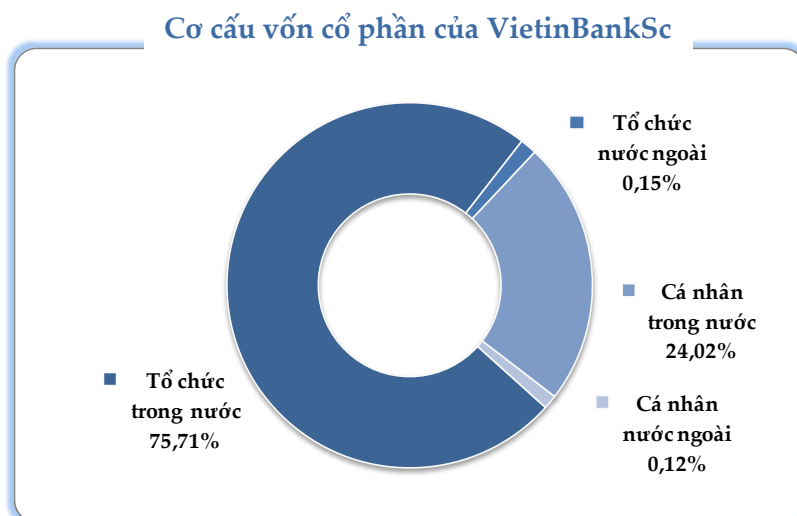
Thông tin cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBankSc

Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 3/7/2009	59.723.194	75,6%
Đại diện bởi:			
- Bà Đỗ Thị Thủy	010442664	31.599.574	40,0%
- Ông Vũ Trung Thành	011978123	23.699.680	30,0%
- Bà Phạm Thị Thanh Hoài	011877625	4.423.940	5,6%

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBankSc

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tính tới thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 10/02/2011 như sau:



Tổ chức và nhân sự

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành có 2 thành viên là bà Đỗ Thị Thủy – Chủ tịch HĐQT và bà Phạm Thị Thanh Hoài - Ủy viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị gồm có 2 thành viên độc lập không điều hành đảm bảo cho Hội đồng Quản trị độc lập với Ban Điều hành.

Thay đổi nhân sự

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-HĐQT-NHCT44 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ngày 06 tháng 8 năm 2010 về việc thay đổi đại diện phần vốn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, bà Phạm Thị Thanh Hoài đã được bổ nhiệm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam kể từ ngày 09/8/2010 nhiệm kỳ 2009 – 2014 thay thế cho ông Lê Đức Thọ.



BÀ ĐỖ THỊ THUỶ, 1960 – Chủ tịch HĐQT

Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Bà Thủy là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng với hơn 28 năm kinh nghiệm. Bà cũng từng tham gia nghiên cứu ở Hà Lan, Nga, Anh... và từng là giảng viên Học viện Ngân hàng Hà Nội.



ÔNG VŨ TRUNG THÀNH, 1981 – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị doanh nghiệp (ĐH Hull – Anh Quốc)

Ông Thành có nhiều năm nghiên cứu ở nước ngoài. Sau khi về nước, ông đã làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ Vietcombank với nhiều vị trí quản lý quan trọng. Trước khi là Tổng Giám đốc VietinbankSc, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng ban Thư ký Hội đồng Quản trị kiêm Phó phòng Tự doanh và Bảo lãnh Phát hành, sau đó là Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – VietinbankSc.



BÀ PHẠM THỊ THANH HOÀI, 1978 – Ủy viên HĐQT

Phó Trưởng Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính (ĐH Warwick – Anh Quốc)

Bà Hoài tham gia lĩnh vực tài chính - ngân hàng nhiều năm ở trong và ngoài nước. Trước khi đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT VietinBankSc, bà Hoài giữ vị trí Phó phòng Chế độ Tín dụng và Đầu tư Ngân hàng Công thương Việt Nam.



ÔNG NGUYỄN THỌ PHÙNG, 1960 – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (ĐH Columbia Southern – US)

Ông Phùng đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các doanh nghiệp và tổ chức tài chính. Trước khi là Phó Tổng Giám đốc VietinBankSc, ông đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên kiêm Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cung ứng Dịch vụ Hàng không – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, sau đó là Trưởng phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp và Phó Giám đốc VietinBankSc.



ÔNG NGUYỄN MINH GIANG, 1974 – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc,

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (ĐH Griggs – US)

Ông Giang là thành viên kỳ cựu, gắn bó nhiều năm với Ngân hàng Công Thương Việt Nam và lần lượt đảm đương nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kinh doanh và Kế toán trưởng Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Đông Anh.

Tổ chức và nhân sự

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo Tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo Tài chính Công ty.

Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo Tài chính của Công ty.



BÀ NGUYỄN THÚY HÀ
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG ĐINH HUY KIÊN
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính kiểm soát



BÀ NGUYỄN THỊ THU HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát

Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên đều thông qua mức thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Theo Nghị Quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2010, mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2010 bằng 2,0% lợi nhuận sau thuế năm 2010 cho phần lợi nhuận trong kế hoạch, trường hợp vượt chỉ tiêu lợi nhuận thì được thưởng thêm 4,0% trên tổng số lợi nhuận vượt mức và Hội đồng Quản trị quyết định việc phân phối thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Căn cứ trên tình hình kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2010, số tiền thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

Đơn vị: triệu đồng	
Nội dung	Số tiền
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2010	21.642
2. Trích thù lao HĐQT, BKS (2,0% lợi nhuận sau thuế)	433

Tổ chức và nhân sự

Chính sách phát triển nguồn nhân lực



Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với lao động

Trong môi trường cạnh tranh mạnh mẽ với nhiều biến động, việc tập trung vào công tác xây dựng sức mạnh lãnh đạo và gắn kết nhân viên là hết sức cần thiết. Trong năm 2010 VietinBankSc đã tạo được bước tiến lớn trong việc xây dựng một đội ngũ cán bộ năng động, nhạy bén, được đào tạo chuyên sâu, có đạo đức nghề nghiệp cao với nhiều kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư, pháp luật... để giúp Công ty nâng cao năng lực quản trị rủi ro và khả năng xử lý các nghiệp vụ trong kinh doanh.

Số lượng cán bộ, nhân viên của VietinBankSc tại ngày 31/12/2010 bao gồm Trụ sở chính, Chi Nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Chi Nhánh Hà nội là 149 CBNV.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Nhằm duy trì cán bộ, nhân viên giỏi đồng thời thu hút người tài, VietinBankSc đã và sẽ áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả công việc. Tiền thưởng cũng được xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của từng nhân viên. Ngoài ra, VietinBankSc còn thực hiện các chính sách đãi ngộ khác như: định kỳ kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, nhân viên; kịp thời thăm hỏi động viên các cán bộ, nhân viên ốm đau, thai sản...

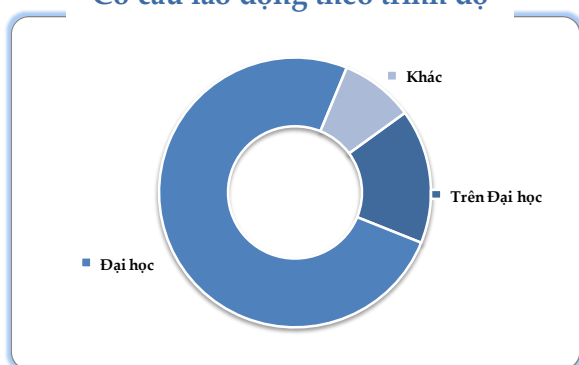
VietinBankSc tiếp nhận lao động mới theo một quy trình và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm, có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho cán bộ, nhân viên.

Phát triển nguồn nhân lực

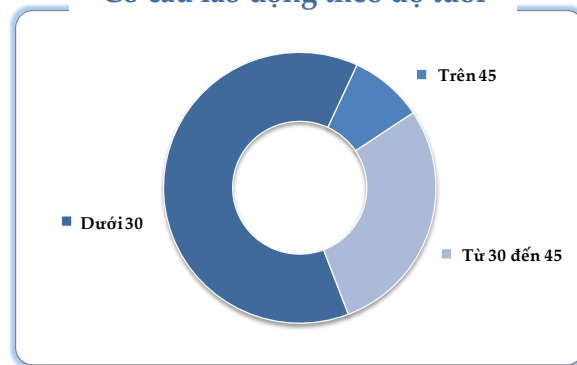
Để có thể xây dựng được một đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực chuyên môn, có tư cách đạo đức và có tâm huyết đối với công việc được giao nhằm phục vụ cho quá trình mở rộng mạng lưới cũng như đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong một môi trường cạnh tranh đầy khốc liệt, VietinBankSc luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2010, VietinBankSc luôn chú trọng hoạt động đào tạo con người nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và làm hài lòng khách hàng. Các cán bộ của VietinBankSc đều được trải qua các khóa đào tạo chuyên sâu về chứng khoán cả trong và ngoài nước.

Cơ cấu lao động theo trình độ

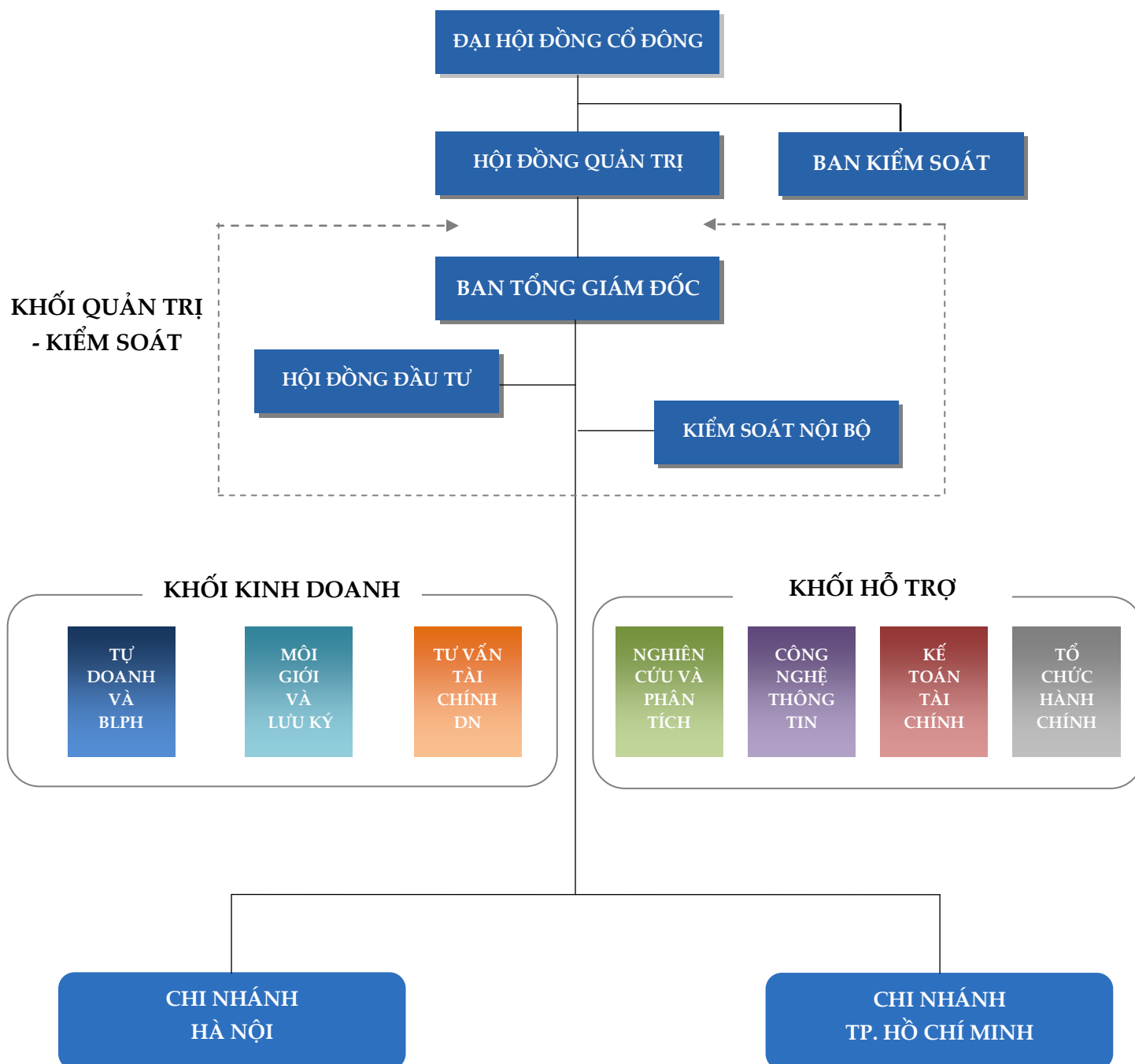


Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Tổ chức và nhân sự

Sơ đồ tổ chức





Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

KÍNH GỬI: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam được lập ngày 05 tháng 01 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo Tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo Tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo Tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc


Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên


Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010)*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		841.882	107.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V01	234.156	498.040
1. Tiền	111		179.156	246.040
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000	252.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V04	271.247	298.875
1. Đầu tư ngắn hạn	121		277.711	302.269
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.464)	(3.394)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V11	334.086	273.866
1. Phải thu của khách hàng	131		955	-
2. Trả trước cho người bán	132		59.679	43.953
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		3.056	19.133
5. Các khoản phải thu khác	138		270.397	210.780
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		828	262
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.566	1.183
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.534	427
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V11	-	10
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		32	747

Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
B. Tài sản dài hạn	200		192.832	47.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.480	25.548
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V05	13.803	16.744
- Nguyên giá	222		26.008	23.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.205)	(7.213)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V06	7.677	8.804
- Nguyên giá	228		11.201	9.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.525)	(1.086)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V04	150.186	1.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		150.186	-
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.500
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.167	20.603
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V07	16.307	17.448
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V10	4.860	3.154
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng tài sản	270		1.034.714	1.119.876

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)*

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
A. Nợ phải trả	300		213.661	267.963
I. Nợ ngắn hạn	310		207.264	267.913
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		535	708
3. Người mua trả tiền trước	313		368	139
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	5.984	1.879
5. Phải trả người lao động	315		7.716	2.386
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		141.852	201.584
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		122	7.116
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.761	233
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.12	48.926	53.869
13. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.397	50
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1	50
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.396	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		821.053	851.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	821.053	851.913
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.920	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.003	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.003	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.193	60.059
Tổng nguồn vốn	440		1.034.714	1.119.876

Báo cáo tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị: triệu đồng	
		31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	19.980	
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005	-	203
6. Chứng khoán lưu ký	006	3.052.569	3.893.279
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	2.899.925	3.759.994
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	33.913	584.836
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	2.864.070	3.173.844
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.942	1.314
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	50.622	58.206
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	15.000	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch khách hàng trong nước	014	35.622	58.206
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	3.167	1.946
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	3.167	1.946
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	73.837	73.133
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	987	5.769
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	72.849	67.364
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	25.019	-
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	23	-
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	24.996	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	0,2	-
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	0,2	-
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	0,2	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	260.256	5.208

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2010	2009
Doanh thu	01		195.593	172.391
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		61.338	35.526
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		64.417	117.265
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		9.250	
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		1.729	3.400
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		27.154	3.904
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.328	2.196
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7			
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		12	
Doanh thu khác	01.9		30.366	10.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4	8
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		195.588	172.383
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		133.134	88.999
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		62.454	83.384
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.882	13.541
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		28.572	69.843
Thu nhập khác	31		381	17
Chi phí khác	32		540	
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(159)	17
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.413	69.860
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1	6.771	9.801
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		21.642	60.059
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		274	760

Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2010 (Phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.413	69.861
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
Khấu hao tài sản cố định	02		8.100	3.194
Các khoản dự phòng	03		3.070	3.394
Lãi)/lỗ chênh lệch TGHĐ chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.056)	(67.981)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		28.528	8.467
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(54.332)	(231.951)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(566)	(262)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(57.561)	7.775
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		35	671
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.058)	(13.321)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.048	481.160
Tiền chi khác từ hoạt động kinh Doanh	16		(7.410)	(1.858)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		(95.317)	25.0682

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

			Đơn vị: triệu đồng	
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.032)	(21.383)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		354	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.181.318)	(1.339.175)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		973.183	1.482.268
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88.648	125.648
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(123.164)	247.358
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.403)	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(45.403)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(263.884)	498.040
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	498.040	-
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	234.156	498.040

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần, trong đó vốn của Ngân hàng Công thương Việt Nam chiếm 75,6% tổng số vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

3. Tổng số công nhân viên và người lao động

Tổng số công nhân viên của Công ty đến thời điểm 31/12/2010 là 149 người.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo Tài chính

Ngày 05 tháng 01 năm 2010, Chi nhánh Hà Nội Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam bắt đầu đi vào hoạt động. Đặt tại số 65 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Công ty thực hiện cổ phần hóa.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo, bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành 4 Chuẩn mực kế toán Việt nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành 6 Chuẩn mực kế toán Việt nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành 6 Chuẩn mực kế toán Việt nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành 6 Chuẩn mực kế toán Việt nam (Đợt 4); và,
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành 4 Chuẩn mực kế toán Việt nam (Đợt 5).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo Tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Báo cáo tài chính

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

2.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

2.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị công tác	:	3 - 5 năm
Máy móc thiết bị động lực	:	7 năm
Phương tiện vận tải	:	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	:	3 - 5 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

3.1. Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

3.2. Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

3.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành. Đối với các loại chứng khoán có niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thuần có thể thực hiện được xác định căn cứ trên giá niêm yết của các loại chứng khoán đó tại ngày 31/12/2010. Đối với các loại chứng khoán không niêm yết trên thị trường chứng khoán (OTC) nhưng vẫn có giao dịch thường xuyên thì giá trị thuần có thể thực hiện được xác định căn cứ theo giá tham khảo từ bảng giá OTC tham khảo của các Công ty chứng khoán. Đối với các loại chứng khoán không niêm yết trên thị trường chứng khoán (OTC) và không có giao dịch thường xuyên thì không trích lập dự phòng

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh đang phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

5.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm: vốn góp của Ngân hàng Công thương Việt Nam và vốn góp của các cổ đông khác trong Công ty Cổ phần.
- Thặng dư vốn cổ phần: Là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành thêm để lại cho Công ty Cổ phần.
- Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước (nếu có).

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

6.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

6.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân

Báo cáo tài chính

đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

6.3. *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

Đơn vị: triệu đồng

Tiền và tương đương tiền	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	84	156
Tiền gửi ngân hàng	42.665	84.090
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi của NĐT về GDCK	128.384	130.040
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	8.022	31.753
TGNH có kỳ hạn không quá 3 tháng	55.000	252.000
Cộng	234.156	498.040

2. Hàng tồn kho

Đơn vị: triệu đồng

Hàng tồn kho	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	747	
Công cụ, dụng cụ	81	262
Cộng	828	262

Báo cáo tài chính

3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giao dịch thực hiện trong năm	
	Khối lượng	Giá trị
Của công ty chứng khoán	38	1.979.787
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	30	1.306.490
- Trái phiếu	8	673.297
- Chứng khoán khác		
Của nhà đầu tư	612	15.553.601
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	612	15.553.601
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
Tổng cộng	650	17.533.388

4. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị			
		Số kế toán	So với giá thị trường		Giá thị trường
			Tăng	Giảm	
1. Chứng khoán thương mại	6.336.222	229.7311	2.091	6.464	225.357
2. Chứng khoán đầu tư	500.100	150.186	-	-	150.186
Chứng khoán sẵn sàng để bán	500.100	150.186	-	-	150.186
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-
4. Đầu tư tài chính khác	-	47.980	-	-	47.980
Cộng	6.836.322	427.896	2.091	6.464	423.522

5. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tổng
1. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	206	15.841	5.405	2.506	23.957
Mua trong kỳ	-	2.142	-	438	2.580
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	529	-	529
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	206	17.983	4.876	2.944	26.008
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	206	4.187	1.827	993	7.213
Số khấu hao trong kỳ	-	4.225	749	546	5.521
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	529	-	529
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	206	8.413	2.047	1.539	12.205
3. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	11.653	3.578	1.513	16.744
Tại ngày cuối kỳ	-	9.570	2.828	1.405	13.803

Báo cáo tài chính

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình				
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Quyền phát hành</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Tổng</u>
1. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	9.890	9.890
Mua trong kỳ	-	-	-	1.452	1.452
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	140	140
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	11.201	11.201
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	1.086	1.086
Số khấu hao trong kỳ	-	-	-	2.579	2.579
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	140	140
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	3.525	3.525
3. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	8.804	8.804
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	7.677	7.677

7. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí trả trước dài hạn	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh xác định để cổ phần hóa	15.426	17.241
Giá trị còn lại của CCDC xuất dùng	-	207
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	880	-
Cộng	16.307	17.448

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị gia tăng	1.426	102
Tiêu thụ đặc biệt	-	-
Xuất, nhập khẩu	-	-
Thu nhập doanh nghiệp	3.390	1.678
Thu nhập cá nhân	1.168	99
Tài nguyên	-	-
Nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	5.984	1.879

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Đơn vị: triệu đồng

Quỹ hỗ trợ thanh toán	
Tiền nộp ban đầu	3.154
Tiền nộp bổ sung	1.345
Tiền lãi phân bổ hàng năm	361
Số cuối năm	4.860

Báo cáo tài chính

11. Các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010				
	Số đầu kỳ	Số phát sinh		Số cuối kỳ	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
1. Phải thu của khách hàng	-	36.746	35.791	955	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	19.133	492.179	508.256	3.056	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	18.628	460.356	476.203	2.781	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	430	31.811	31.966	274	-
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán	75	-	75	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	12	12	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	10	837	847	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	254.733	2.067.384	1.992.041	330.076	-
- Trả trước tiền cho người bán	43.953	19.006	3.279	59.679	-
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước					
- Phải thu khác	210.780	2.048.379	1.988.762	270.397	-
Tổng cộng	273.875	2.597.147	2.536.935	334.086	-

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả, phải nộp khác	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
2. Kinh phí công đoàn	294	155
3. Bảo hiểm xã hội	0,2	2
4. Bảo hiểm y tế	0,2	2
5. Bảo hiểm thất nghiệp	0	0
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.631	53.710
- Phải trả về cổ phần hóa	45.903	46.802
- Phải trả cổ tức CTS cho NĐT	18	-
- Phải trả khác	2.710	6.908
Cộng	48.926	53.869

16. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị: triệu đồng

Vốn chủ sở hữu	Năm 2010			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	789.934	-	-	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.920	-	-	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	3.003	-	3.003
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	3.003	-	3.003
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60.059	21.642	58.508	23.193
Tổng cộng	851.913	27.648	58.508	821.053

Báo cáo tài chính

(*) Bao gồm

	Đơn vị: đồng
Vốn củ Ngân hàng Công thương Việt Nam	597.231.940.000
Vốn của các cổ đông khác	192.702.060.000
Cộng	789.934.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm	
	2010	2009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.771	9.801
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.771	9.801

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm tài chính

Không có thông tin.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của khách hàng đầu tư: 130.414.923.225 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Bên liên quan của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ngân hàng Công thương là Công ty Mẹ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 75,6%.

Giao dịch với bên liên quan:

Các giao dịch chủ yếu trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty với Ngân hàng Công thương Việt Nam gồm:

Đơn vị: triệu đồng	
Nội dung	Số tiền
Gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn	1.304.990
Thu lãi tiền gửi	19.892
Mua trái phiếu doanh nghiệp	100.186
Chi hoa hồng môi giới	10.336
Phí tư vấn chào bán chứng khoán	50
Phí đại lý thanh toán	400
Phí tư vấn phát hành trái phiếu	1.728
Phí quản lý sổ cổ đông và phí lưu ký	239

Số dư với bên liên quan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư của Công ty với Ngân hàng Công thương Việt Nam gồm:

Đơn vị: triệu đồng	
Nội dung	Số tiền
Số dư tiền gửi không kỳ hạn	168.613
Số dư tiền gửi có kỳ hạn	55.000
Phải trả về phí hoa hồng môi giới	171
Phải thu về lãi tiền gửi	54

Báo cáo tài chính

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo Tài chính cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/7/2009 và kết thúc tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, trong đó một số chỉ tiêu đã được phân loại, điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Phan Hải Sâm

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thành

